TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/DS-ST
Ngày: 06-5-2025
V/v tranh chấp về
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Long Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Duy Mỹ Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2025/TLST–DS ngày 19 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Xuân T, sinh năm 1995; nơi cư trú: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn C, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ C, ấp E, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Hoàng Xuân T trình bày:

Ông Hoàng Xuân T và ông Bùi Văn C có mối quan hệ quen biết. Ngày 31 tháng 7 năm 2024, ông C vay ông T số tiền 140.000.000 đồng, mục đích vay là mở rộng sản xuất kinh doanh, thời hạn vay từ ngày 31 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, không tính lãi suất.

Hai bên có lập hợp đồng có tiêu đề "Hợp đồng vay nợ tiền mặt" đề ngày 31 tháng 7 năm 2024, ông C kí ghi họ tên, lăn tay phần bên vay và viết dòng chữ "tôi đã nhận đủ tiền và không bị ép buộc"; ông T kí ghi họ tên phần bên cho vay.

Cho đến nay, ông C chưa thanh toán cho ông T bất kì khoản tiền nào.

Nguyên đơn cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc ông Bùi Văn C trả cho ông Hoàng Xuân T 140.000.000 đồng nợ gốc, không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn ông Bùi Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn ông Hoàng Xuân T và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Hoàng Xuân T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Bùi Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại tại các Điều từ 26 đến 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của BLTTDS. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 của BLTTDS.

+ Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 của BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo quy định tại Điều 203 của BLTTDS và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán được quy định tại Điều 48 và khoản 2 Điều 203 của BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 của BLTTDS. Thư ký tuân theo các Điều 51 và Điều 237 của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa tuy nhiên bị đơn vắng mặt không cung cấp các giấy tờ thể hiện ý kiến của bị đơn. Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ việc theo quy định tại các Điều 227, 228 của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ngày 31/7/2024, ông Hoàng Xuân T cho ông Bùi Văn C vay số tiền 140.000.000 đồng, ông C viết giấy mượn tiền, ký tên, ghi họ tên Bùi Văn C, thỏa thuận thời hạn thanh toán số tiền vay là vào ngày 31/12/2024, hai bên không thoả thuận về lãi suất đối với tiền vay. Đến nay, ông C vẫn chưa trả số tiền đã vay cho ông T là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo thoả thuận. Ông Bùi Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng suốt quá trình giải quyết vụ án vẫn vắng mặt, cho thấy ông C đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh số tiền nợ. Do đó, căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự và căn cứ vào Giấy mượn tiền lập ngày 31/7/2024 có chữ ký, ghi họ tên của Bùi Văn C, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Về tiền lãi chậm, ông T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Hoàng Xuân T khởi kiện ông Bùi Văn C, yêu cầu ông C trả cho ông T số tiền đã vay, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Bùi Văn C có nơi cư trú tại ấp E, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Hoàng Xuân T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Bùi Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, ông Bùi Văn C vay ông Hoàng Xuân T số tiền 140.000.000 đồng, mục đích vay là mở rộng sản xuất kinh doanh, thời hạn vay từ ngày 31 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, không tính lãi suất. Hai bên có lập hợp đồng có tiêu đề "Hợp đồng vay nợ tiền mặt" đề ngày 31 tháng 7 năm 2024, ông C kí ghi họ tên, lăn tay phần bên vay và viết dòng chữ "tôi đã nhận đủ tiền và không bị ép buộc"; ông T kí ghi họ tên phần bên cho vay. Cho đến nay, ông C chưa thanh toán cho ông T bất kì khoản tiền nào.

Quá trình giải quyết vụ án: bị đơn ông Bùi Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, được xem đã từ bỏ quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh và trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà ông Hoàng Xuân T đưa ra, do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Có cơ sở xác định hợp đồng vay tiền giữa ông Hoàng Xuân T và ông Bùi Văn C là có thật, do hai bên tự nguyện thỏa thuận giao kết với nhau. Hai bên xác lập lại giao dịch bằng văn bản, khi giao kết hợp đồng, hai bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và có ý nghĩa ràng buộc trách nhiệm pháp lý giữa các bên. Do đó, ông T yêu cầu ông C trả số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông T không yêu cầu tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn ông Hoàng Xuân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn ông Bùi Văn C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 92, 147, các Điều 227, Điều 228, Điều 238, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Xuân T đối với bị đơn ông Bùi Văn C về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Bùi Văn C phải trả cho ông Hoàng Xuân T số tiền 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

Ông Hoàng Xuân T không phải chịu án phí. H lại cho ông T số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006187 ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Ông Bùi Văn C phải nộp 7.000.000 (bảy triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ánh Tuyết